CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Ngày 31/03/2025	6,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-7.1%	**-3.0%**	**6.6%**

DT thuần
Q1/25
25.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼19.0| -43.0%
YoY: ▼3.00| -10.5%

LN thuần
Q1/25
-1.05
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.01| -154%
YoY: ▼0.38| -57.1%

LN sau thuế
Q1/25
-0.99
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.44| -168%
YoY: ▼0.38| -62.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
-2.6%
YoY: +/-▼ 7.9%

ROE (TTM)
Q1/25
0.8%
YoY: +/-▼ 0.2%

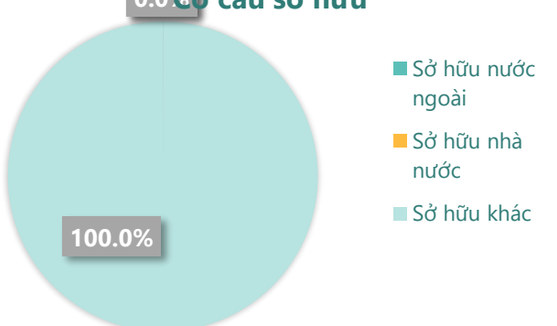
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,600 - 8,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	78
Số lượng CPLH (CP)	12,012,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	415
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.15
EPS	129
P/E	50.4

DT thuần
2024
140
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.00| -5.0%

LN thuần
2024
2.77
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.84| -58.0%

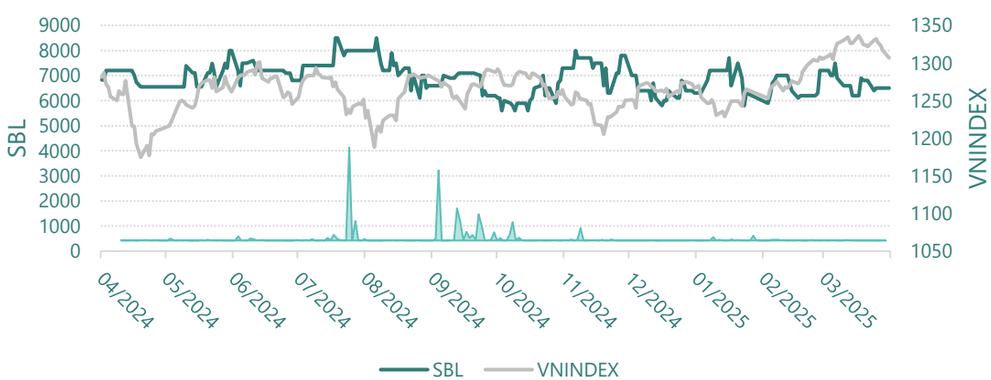
LN sau thuế
2024
1.94
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.96| -60.5%

Cơ cấu sở hữu

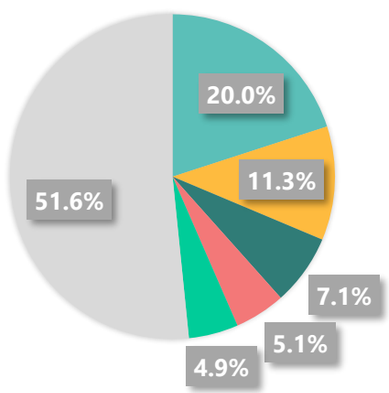


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



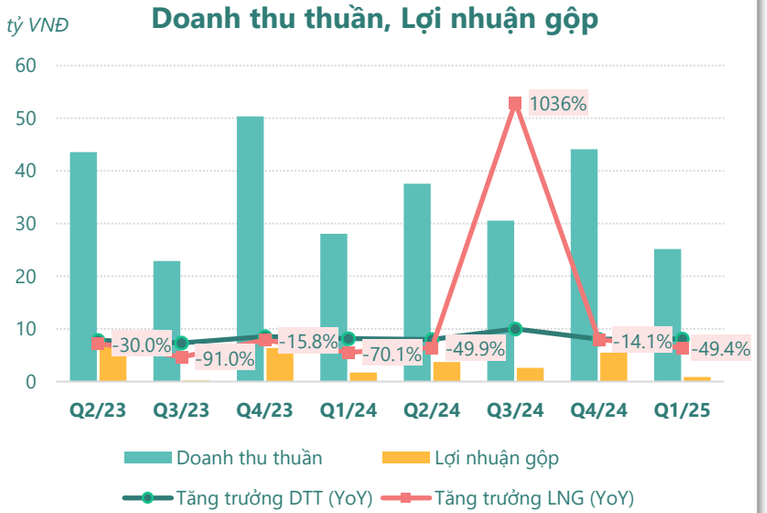
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

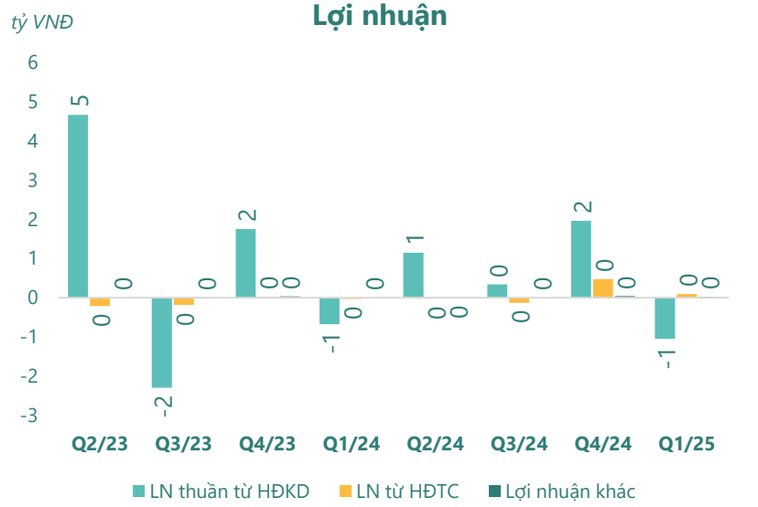
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



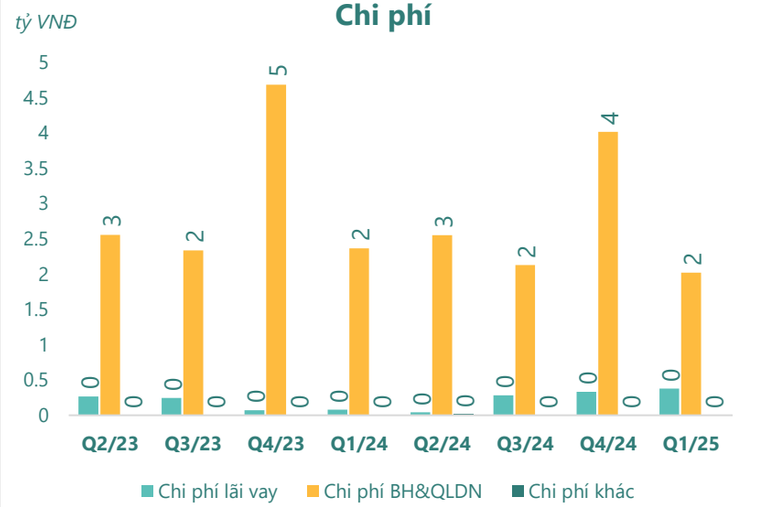
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



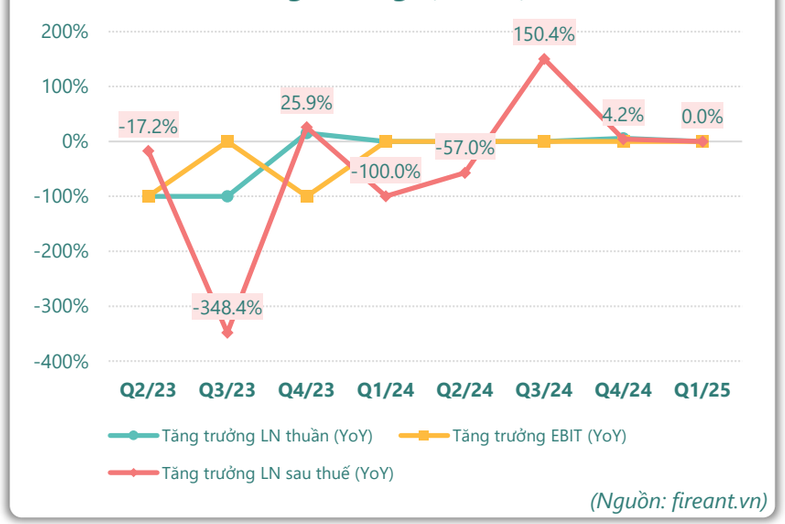
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



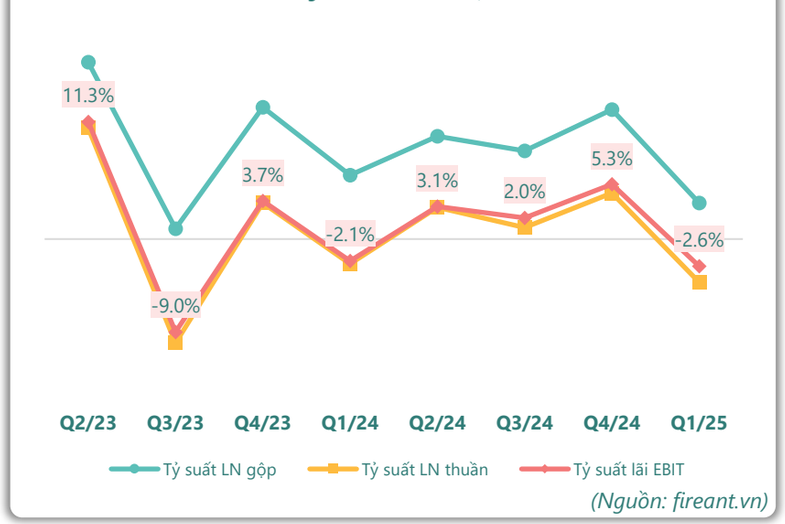
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



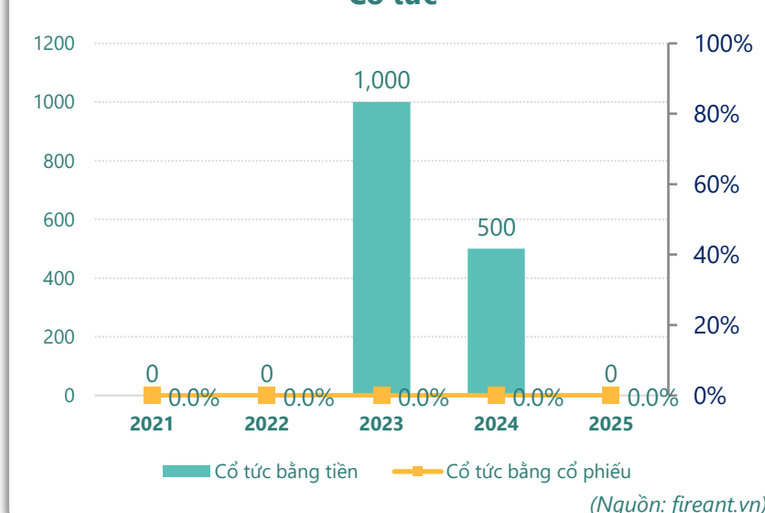
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

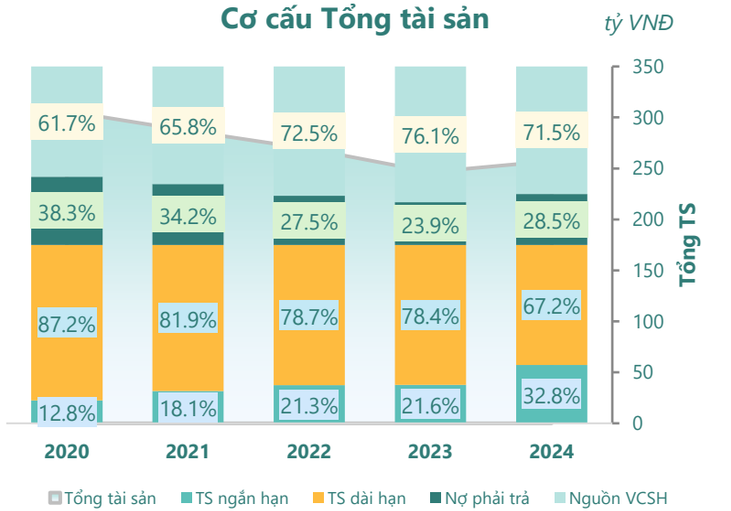
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

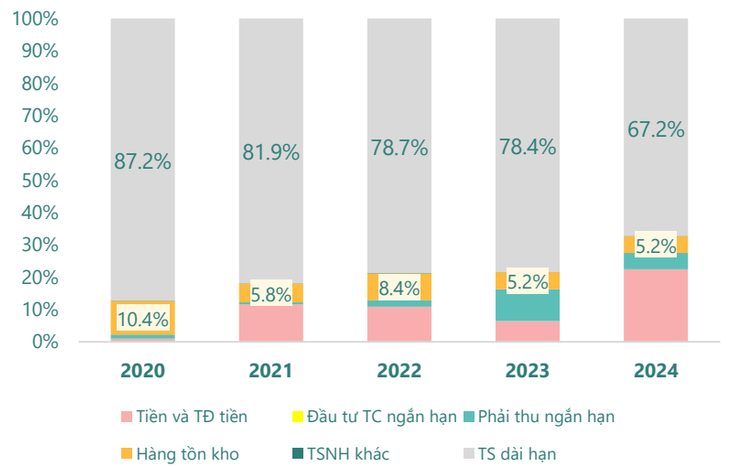
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



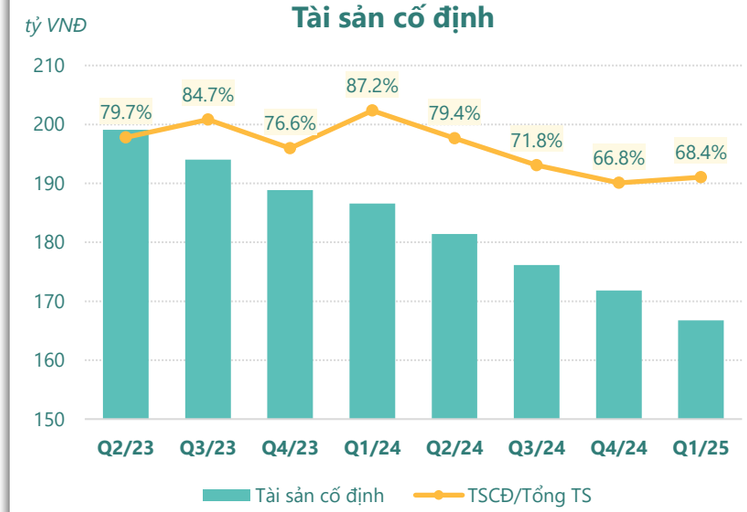
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



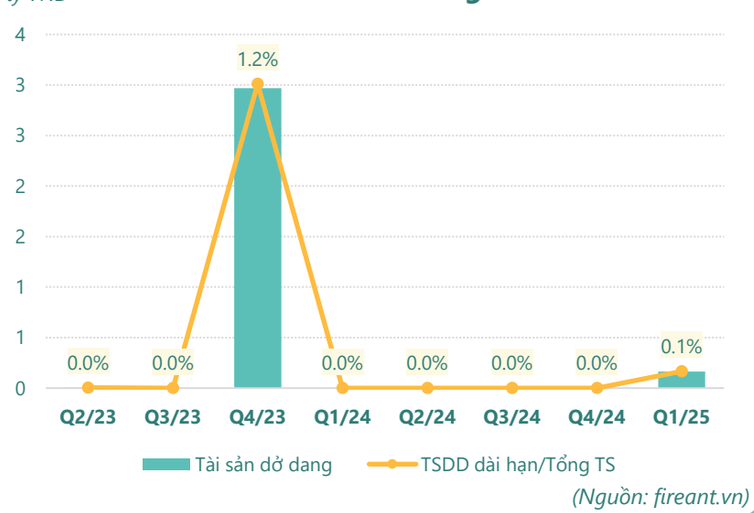
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



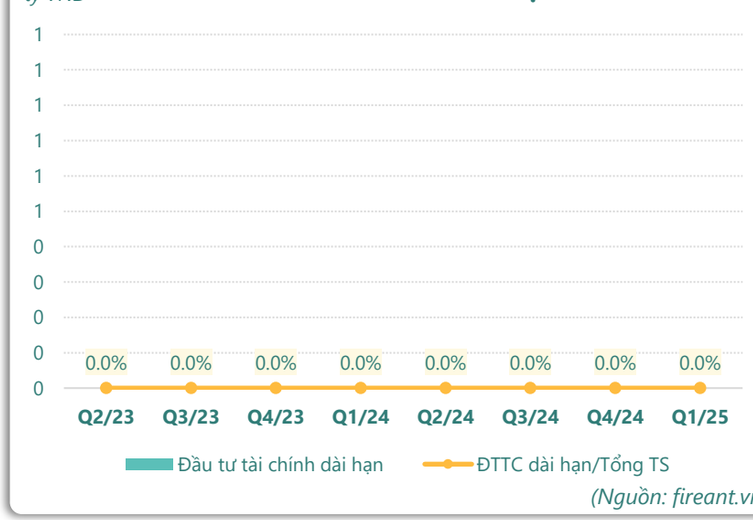
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



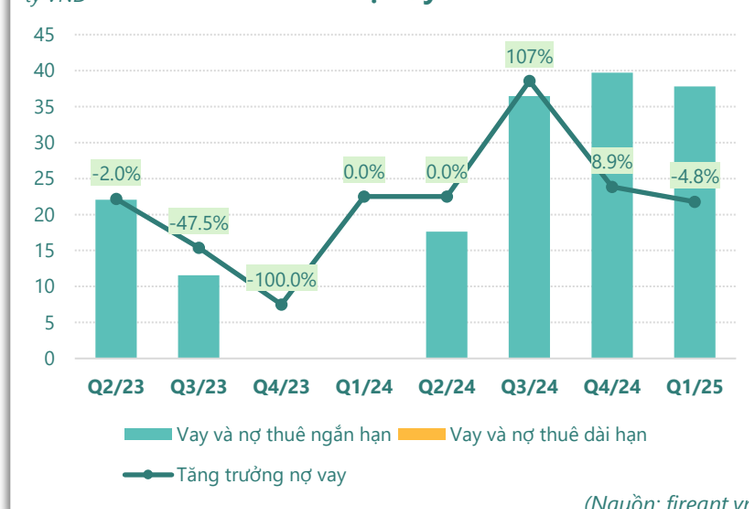
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

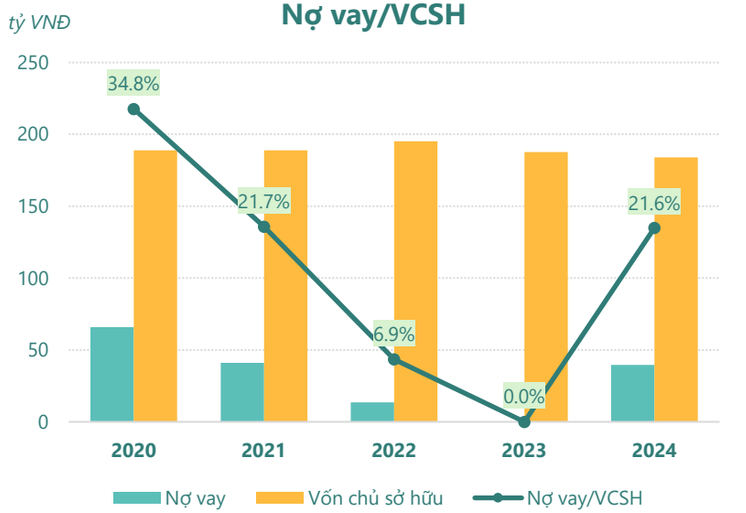
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

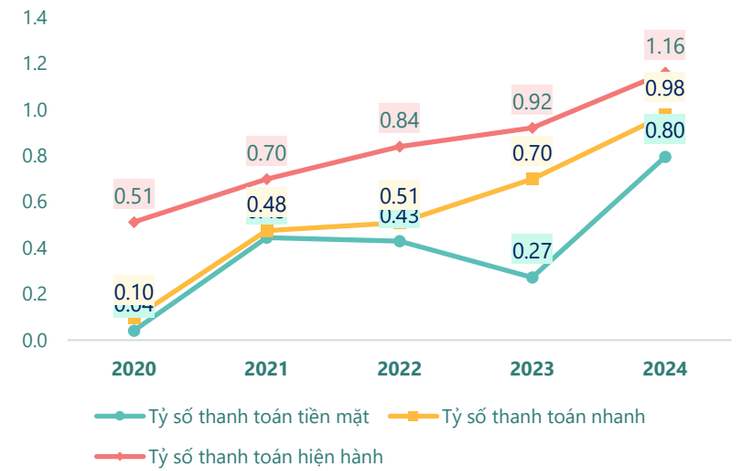
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



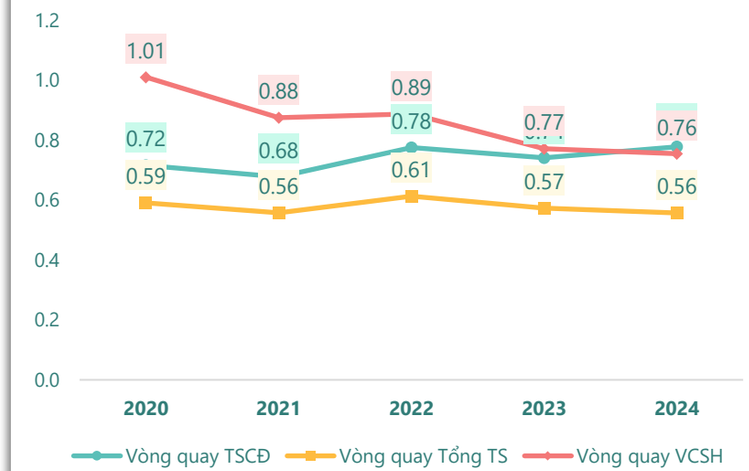
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



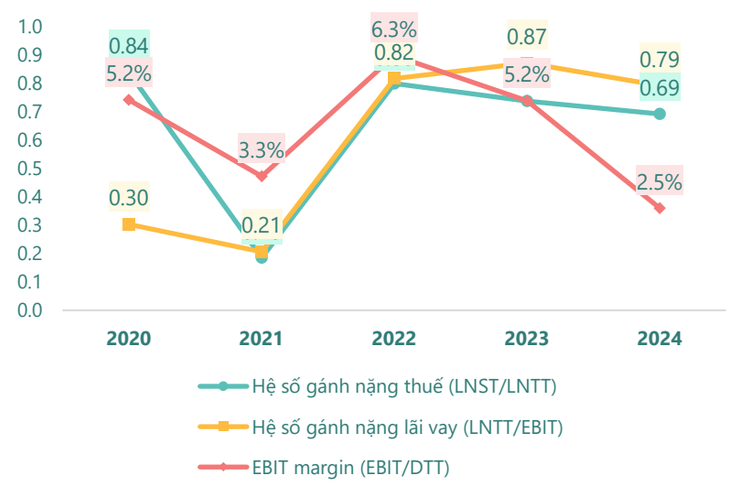
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



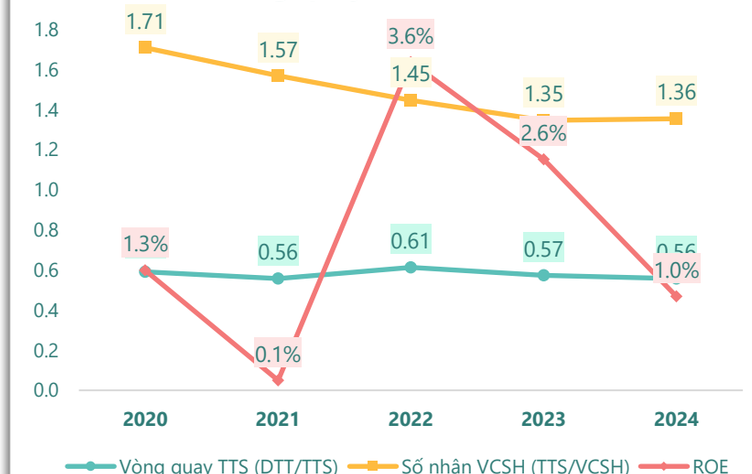
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



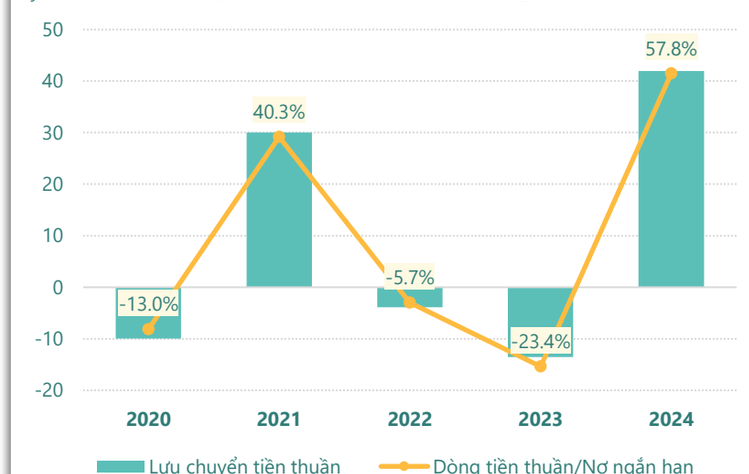
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**25.1**	**28.1**	**-10.5%**	**140**	**148**	**-5.0%**
Giá vốn hàng bán	24.3	26.3	-7.7%	127	128	-0.9%
Lợi nhuận gộp	0.87	1.73	-49.5%	13.6	19.8	-31.7%
Doanh thu HĐTC	0.47	0.04	1085%	1.02	0.38	170%
Chi phí TC	0.38	0.08	372%	0.74	0.98	-24.7%
Chi phí lãi vay	0.38	0.08	372%	0.74	0.98	-24.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.07	0.12	-37.9%	2.07	2.75	-24.7%
Chi phí QLDN	**1.95**	**2.24**	**-13.0%**	**8.99**	**9.88**	**-9.0%**
LN thuần từ HĐKD	-1.05	-0.67	-57.1%	2.77	6.61	-58.0%
Lợi nhuận khác	**0.02**	**0.00**		**0.02**	**0.04**	**-36.3%**
LN trước thuế	-1.03	-0.67	-54.3%	2.80	6.65	-57.9%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.99**	**-0.61**	**-62.5%**	**1.94**	**4.90**	**-60.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.99**	**-0.61**	**-62.5%**	**1.94**	**4.90**	**-60.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	23.7	-13.4	2.44	14.6	3.66	2.58
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.19	0.00	-0.02	0.15	0.84	-0.40
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-11.6	0	12.1	18.4	3.23	-1.90
Tiền đầu kỳ	3.42	15.8	2.34	16.8	50.0	57.7
Lưu chuyển tiền thuần	**12.3**	**-13.4**	**14.5**	**33.2**	**7.73**	**0.28**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	15.8	2.34	16.8	50.0	57.7	58.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**244**	**257**	**-5.2%**
Tài sản ngắn hạn	76.0	84.3	-9.8%
Tiền và tương đương tiền	58.0	57.7	0.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	4.38	13.0	-66.4%
Hàng tồn kho	13.3	13.4	-0.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.27	0.15	78.7%
Tài sản dài hạn	**168**	**173**	**-3.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	167	172	-2.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.16	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.93**	**1.15**	**-19.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	60.8	73.2	-16.9%
Nợ ngắn hạn	**60.2**	**72.6**	**-17.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	37.8	39.7	-4.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	3.45	4.67	-26.2%
Nợ dài hạn	0.57	0.61	-7.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**183**	**184**	**-0.5%**
Vốn chủ sở hữu	**183**	**184**	**-0.5%**
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)